

PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ PHỤ NỮ, TRẺ EM NHẪM PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

*Nguyễn Cảnh Quý**

Bạo lực gia đình là một hiện tượng xuất hiện trong suốt chiều dài lịch sử của thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Trong thế giới đương đại, bạo lực gia đình, mà đối tượng chính của nó là phụ nữ và trẻ em, vẫn tồn tại và đang có xu hướng gia tăng.

Ở Việt Nam, trong những năm qua, bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em có những diễn biến phức tạp. Bạo lực gia đình đã gây tổn hại tới danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, lợi ích chính trị, kinh tế - xã hội và khả năng cống hiến của phụ nữ và trẻ em. Do đó, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều quy phạm pháp luật về bảo vệ phụ nữ và trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình.

1. Những nội dung chủ yếu của pháp luật bảo vệ phụ nữ, trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình

Thứ nhất, pháp luật bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong lĩnh vực chính trị, xã hội và học tập

Pháp luật bảo vệ các quyền chính trị, xã hội và học tập của phụ nữ được ghi nhận trong hầu hết các văn bản pháp luật của Việt Nam, như Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980 và đặc biệt Hiến pháp 1992 có nhiều quy định để bảo vệ các quyền chính trị của phụ nữ. Tại Điều 63 đã khẳng định: "Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình; nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm của phụ nữ". Quy định này vừa đưa người

phụ nữ lên ngang hàng với nam giới, vừa có tính bảo vệ đối với phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, không cho phép phân biệt đối với phụ nữ về chính trị - xã hội. Đây là quy định có tính hiệu lực pháp lý cao nhất và nó trở thành nguyên tắc hiến định, mọi quy phạm pháp luật của các đạo luật khác phải phù hợp với nguyên tắc này.

Việc bảo vệ quyền chính trị của phụ nữ còn được quy định tại Điều 54 của Hiến pháp 1992, trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Trong đó khẳng định rõ phụ nữ từ 18 tuổi có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi có quyền ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước để tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội: "Công dân không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo... đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật" (Điều 54 Hiến pháp 1992).

Đặc biệt, Điều 130 Bộ luật Hình sự 1999 đã quy định tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ: "Người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội thì bị phạt cảnh cáo đến 1 năm hoặc bị phạt tù 3 tháng đến 1 năm".

Pháp luật quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước, xã hội và gia đình trong việc bảo đảm sự bình đẳng cũng như việc chăm lo giáo dục trẻ em: "Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con cái thành những công dân tốt; Nhà nước và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con" (Điều 64 Hiến pháp 1992). Đặc biệt Hiến pháp 1992 đã dành hẳn một điều để bảo vệ trẻ em: "Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo

* TS. Luật học, Phó Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

vệ, chăm sóc, giáo dục". Để bảo vệ trẻ em vừa qua Nhà nước đã ban hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Luật có 5 chương, 60 điều trong đó ghi nhận các quyền chính trị, xã hội của trẻ em, như không được phân biệt đối xử giữa nam và nữ, thành phần xuất thân, con ngoài giá thú, con đẻ, con nuôi, con riêng, con chung, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội... đều được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật.

Để bảo vệ các quyền chính trị - xã hội của trẻ em, ngày 20-2-1990, Việt Nam đã tham gia Công ước về quyền trẻ em, công nhận hàng loạt các quy định mà quốc tế đã nêu ra. Các quốc gia phải tiến hành mọi biện pháp để bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ không bị phân biệt đối xử về giới tính, chủng tộc, màu da: "Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng quyền của trẻ em được giữ gìn bản sắc của mình kể cả quốc tịch và họ tên (Điều 8).

Có thể nói các quyền chính trị - xã hội và học tập của phụ nữ và trẻ em ở nước ta được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật. Các quy định pháp lý về bảo vệ các quyền chính trị - xã hội của phụ nữ và trẻ em đã nâng cao vị thế phụ nữ và trẻ em ở nước ta hiện nay; với vị thế được pháp luật quy định như vậy, rõ ràng nó có tác dụng to lớn đối với việc phòng chống và ngăn chặn bạo lực gia đình ở nước ta hiện nay.

Thứ hai, pháp luật về bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của phụ nữ, trẻ em

Pháp luật nước ta đã có rất nhiều quy định để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của phụ nữ và trẻ em nhằm ngăn chặn và xử lý những hành vi bạo lực gia đình. Các quy định đó đã được đề cập trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhưng đầu tiên phải kể đến là Hiến pháp: "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính

mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm" (Điều 71 Hiến pháp 1992). Với quy định này, các hành vi đánh đập, xúc phạm danh dự, nhân phẩm mang tính bạo lực gia đình của chồng đối với vợ đều vi phạm pháp luật. Bởi vì dưới góc độ pháp lý, trong quan hệ hôn nhân là vợ chồng, còn trong quan hệ xã hội dân sự là quan hệ giữa một công dân đối với một công dân, mà công dân với công dân không có quyền xúc phạm danh dự, nhân phẩm hay xâm phạm tính mạng, sức khỏe của nhau. Vấn đề tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của người phụ nữ còn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 khẳng định tại Điều 21: "Vợ chồng tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau... Cấm các hành vi ngược đãi, hành vi xúc phạm danh dự, uy tín của nhau".

Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng đã có nhiều quy định với những hình phạt thích đáng đối với những hành vi xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của phụ nữ và trẻ em, như tội hành hạ người khác (Điều 110). Nếu như hành vi đối xử tàn ác, hành hạ người khác lệ thuộc mình, nhưng người đó là phụ nữ và trẻ em thì đây là tình tiết tăng nặng và phải chuyển khung hình phạt từ 3 tháng đến 2 năm lên 1 năm đến 3 năm. Hoặc tội hiếp dâm ở Điều 111: Nếu hành vi hiếp dâm có tính chất loạn luân, làm cho phụ nữ có thai thì phải chuyển khung hình phạt từ 2 năm đến 7 năm (khung 1) lên 7 năm đến 15 năm tù (khung 2). Đối với tội hiếp dâm trẻ em ở Điều 112: Nếu có tính chất loạn luân hoặc làm cho nạn nhân có thai thì đây là những tình tiết tăng nặng và đều phải chuyển khung hình phạt từ khung 1 lên khung 2, với thời gian bị phạt từ 12 năm lên đến 20 năm.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng có nhiều quy định xác định quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, chăm lo việc học tập của con. Luật đã khẳng định: "Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi hành hạ, xúc phạm con, không được lạm dụng sức lao động của

con chưa thành niên" (Điều 34). Để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, phòng ngừa, ngăn chặn sự bạo lực trong gia đình, Luật Hôn nhân và gia đình "Nghiêm cấm lợi dụng việc nuôi con nuôi để bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục, mua bán trẻ em, hoặc vì mục đích trục lợi khác" (khoản 4 Điều 67).

Thứ ba, pháp luật ghi nhận, bảo vệ tài sản và các lợi ích kinh tế của phụ nữ và trẻ em

Tài sản và các lợi ích kinh tế của phụ nữ và trẻ em là cơ sở, nền tảng để họ chống lại tệ nạn bạo lực gia đình, khi không phụ thuộc vào kinh tế thì phụ nữ và trẻ em còn có thể đứng lên đấu tranh với những hành vi bạo lực gia đình. Chính vì vậy, pháp luật Việt Nam đã có nhiều quy định nhằm bảo vệ các tài sản, các lợi ích kinh tế cho phụ nữ và trẻ em. Hiến pháp năm 1992 đã khẳng định: tài sản sở hữu hợp pháp của công dân đều được Nhà nước bảo vệ: Công dân nam, nữ có quyền ngang nhau về mặt kinh tế (Điều 63). Luật Hôn nhân và gia đình cũng khẳng định: vợ chồng bình đẳng với nhau về mọi mặt trong gia đình (Điều 19). Như vậy, trong lĩnh vực kinh tế vợ chồng đều bình đẳng với nhau. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục khẳng định: Tài sản chung của vợ chồng là những tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân kể cả quyền sử dụng đất. Nếu tài sản chung phải đăng ký quyền sở hữu thì giấy chứng nhận phải ghi tên của cả vợ và chồng. Để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản chung". Vấn đề này còn được nhắc lại ở Điều 219 của Bộ luật Dân sự 2005.

Quyền được sở hữu về tài sản còn được Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ghi rõ: "Trẻ em có quyền có tài sản, quyền thừa kế theo quy định của pháp luật" (Điều 19 Bộ luật Dân sự 2005). Cha mẹ, người giám hộ hoặc cơ quan tổ chức hữu quan phải giữ gìn, quản lý tài sản của trẻ em và giao lại cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, pháp luật bảo vệ quyền lao động và những giá trị lao động của phụ nữ và trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em

Pháp luật nước ta có nhiều quy định điều chỉnh các quan hệ lao động bảo đảm quyền lao động và giá trị lao động của người phụ nữ. Thông qua đó để chị em phụ nữ bảo đảm được cuộc sống không phải lệ thuộc vào người khác, trên cơ sở đó mà hạn chế hành vi bạo lực trong gia đình. Điều 63 Hiến pháp 1992 đã khẳng định: "Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương như nhau". Không chỉ trong Hiến pháp mà trong Bộ luật Lao động cũng có nhiều quy định để bảo vệ phụ nữ như: "Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp, học nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội" (Điều 5).

2. Một số nhận xét về pháp luật bảo vệ phụ nữ, trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam

Có thể nói, từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, Nhà nước ta đã ban hành nhiều quy phạm pháp luật về bảo vệ phụ nữ, trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình, đã tạo thành một hệ thống quy phạm pháp luật, làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức xã hội ngăn chặn kịp thời các hành vi bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em. Những quy định của pháp luật này còn được xem là công cụ quan trọng để phụ nữ và trẻ em sử dụng nó nhằm phòng, chống các hành vi bạo lực gia đình. Hệ thống quy phạm pháp luật này còn điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực bảo vệ phụ nữ, trẻ em, nhằm phòng chống bạo lực gia đình.

Như chúng tôi đã đề cập, các quy định pháp luật về bảo vệ phụ nữ, trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Hiến pháp năm 1992; Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Bộ

luật Dân sự năm 2005; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Luật Đất đai năm 2003; Bộ luật Lao động... Đặc biệt ngày 21-11- 2007 Quốc hội đã thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật có 6 chương 46 điều trong đó tại Điều 34 đã nhấn mạnh trách nhiệm của Hội Phụ nữ trong việc phòng, chống bạo lực gia đình, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em.

Để bảo vệ phụ nữ, trẻ em trước bạo lực gia đình trong những năm qua, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, viện kiểm sát, tòa án đã tiến hành xử lý, điều tra, truy tố, xét xử đối với nhiều hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em. Hoạt động này đã được triển khai trên nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Kiên Giang, v.v.

Tuy hiện nay chúng ta đã có không ít các quy định pháp luật về bảo vệ phụ nữ, trẻ em nhằm phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực gia đình, song những quy định đó nằm rải rác trong nhiều văn bản khác nhau nên việc vận dụng để xử lý hết sức khó khăn. Các quy định của pháp luật mới chỉ dừng ở mức đề xử lý, điều chỉnh chung mọi hành vi bạo lực trong xã hội, còn rất ít các quy định cụ thể để điều chỉnh các hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ, trẻ em, nên đòi hỏi người áp dụng phải có trình độ pháp lý mới có thể vận dụng các quy định hiện hành để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

Pháp luật nước ta chưa có những chế tài cụ thể để xử lý hành chính, xử lý hình sự đối với hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em, nên việc thực hiện rất khó khăn. Có những quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn, nên hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với các hành vi bạo lực gia đình không cao, dẫn đến không bảo vệ triệt để được các quyền của phụ nữ và trẻ em. Ngay trong Luật Phòng chống bạo lực gia

đình cũng không ít các quy định còn chung chung, chưa có quy định cụ thể về bảo vệ phụ nữ, trẻ em nhằm phòng chống bạo lực gia đình; chưa có các quy định mang tính tăng nặng về hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em.

Pháp luật bảo vệ phụ nữ và trẻ em, nhằm phòng, chống bạo lực gia đình được quy định không ít, nhưng việc tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế. Đặc biệt ở Việt Nam chưa có thói quen vận dụng các quy định của pháp luật để xử lý tình trạng bạo lực gia đình. Mặc dù hành vi bạo lực gia đình dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với phụ nữ và trẻ em, song vẫn được xem đó là chuyện gia đình và chỉ giải quyết nội bộ mà không đưa ra chính quyền hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật để xử lý. Vì vậy, chúng ta cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho mọi công dân hiểu được các quy định của pháp luật và ngăn chặn kịp thời các hành vi bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Đặc biệt là giáo dục pháp luật cho phụ nữ và trẻ em để họ thấy được pháp luật là một công cụ quan trọng và sử dụng nó để đấu tranh với các hành vi bạo lực gia đình.

3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ phụ nữ, trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình

Như trên đã đề cập, pháp luật bảo vệ phụ nữ và trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình còn không ít hạn chế. Vì vậy, cần triển khai một số giải pháp để hoàn thiện các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này:

Một là, Nhà nước cần ban hành các quy phạm pháp luật cụ thể về phòng, chống bạo lực gia đình để bảo vệ phụ nữ và trẻ em

Hiện nay, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chỉ mới quy định hành vi bạo lực gia đình nói chung, mà chưa có những quy định riêng về bạo lực gia đình đối với phụ nữ, trẻ em; chưa có các quy định về tình tiết tăng nặng về hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ, trẻ em, nên hiệu quả bảo vệ được phụ nữ, trẻ em chưa cao. Vì vậy, theo

chúng tôi, Nhà nước cần quy định cụ thể hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ, trẻ em và xem đây là một tình tiết tăng nặng đối với hành vi bạo lực gia đình khi thực hiện đối với phụ nữ và trẻ em.

Nhà nước nên sớm ban hành các quy định cụ thể hơn về xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em. Các chế tài xử phạt phải rất cụ thể và thấu suốt quan điểm việc xử phạt vừa ngăn chặn được bạo lực gia đình, vừa bảo vệ được hạnh phúc gia đình, bởi gia đình là "tế bào của xã hội".

Trong các quy định của pháp luật, cần phân biệt rõ hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ và hành vi bạo lực đối với trẻ em để có những chế tài thích hợp.

Hai là, cần ban hành các quy định để xác định rõ trình tự, thủ tục thẩm quyền xử lý đối với hành vi bạo lực gia đình, nhất là đối với cán bộ phường, xã, thị trấn, bởi hành vi bạo lực thường xảy ra ở cơ sở và xã, phường, thị trấn là cơ quan đầu tiên phải trực tiếp xử lý.

Ba là, hiện nay một số chế tài xử phạt hành chính xử lý kỷ luật đối với hành vi bạo lực gia đình nhất là phụ nữ, trẻ em chưa đủ mạnh để răn đe, dẫn đến một số phần tử có hành vi bạo lực gia đình vẫn "nhờn nhờ" xem thường pháp luật. Vì vậy, theo chúng tôi pháp luật cần phải tăng mức phạt tiền và nên ban hành những quy định buộc kẻ có hành vi bạo lực gia đình phải lao động công ích khoảng 3-5 ngày, có như vậy mới ngăn chặn, bảo vệ phụ nữ trẻ em trước tình trạng bạo lực gia đình hiện nay ở nước ta.

Bốn là, trong quá trình sửa đổi, bổ sung xây dựng pháp luật cần tiến tới quy định hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ, trẻ em là tội phạm ngay trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, mà không cần chờ đến lúc sửa đổi Bộ luật Hình sự mới quy định. Bởi nếu chờ đợi sửa đổi, ban hành Bộ

luật Hình sự mới ban hành các hình phạt về hành vi bạo lực gia đình sẽ tạo ra những "lỗ hổng lớn" trong pháp luật, dẫn tới tình trạng thiếu các quy phạm pháp luật để điều chỉnh. Ngoài ra quy định các tội về hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ, trẻ em ngay trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình sẽ tác dụng "răn đe" rất lớn đối với những kẻ có hành vi bạo lực gia đình.

Bên cạnh các giải pháp trên đây, cần thực hiện việc tập hợp và hệ thống hóa các văn bản pháp luật về bảo vệ phụ nữ và trẻ em nhằm phòng, chống bạo lực gia đình. Tập hợp và hệ thống hóa ở đây được hiểu là hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhằm tập hợp tất cả các quy định của pháp luật về bảo vệ phụ nữ và trẻ em về phòng, chống bạo lực gia đình nằm rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau vào một tập (một cuốn sách). Việc tập hợp hóa có thể theo thứ tự thời gian hoặc theo văn chữ cái để cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thuận tiện trong việc áp dụng pháp luật.

Thực tiễn hoạt động này chúng ta triển khai còn hạn chế, nên khi cần tra cứu các quy định, các văn bản, các tổ chức, cá nhân phải mất rất nhiều thời gian để đọc, tìm hiểu, nghiên cứu, vì vậy nhiều lúc loay hoay đi tìm cơ sở pháp lý để giải quyết, nên không ngăn chặn hoặc xử lý kịp thời các hành vi bạo lực gia đình.

Bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em là một tệ nạn xã hội nghiêm trọng. Nhà nước cần tiếp tục xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để bảo vệ phụ nữ, trẻ em phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi bạo lực gia đình. Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội và công dân cần đóng góp sức lực, trí tuệ và có tiếng nói chung để lên án hành vi bạo lực gia đình và tiến tới loại trừ bạo lực gia đình ra khỏi đời sống xã hội, nhằm bảo vệ phụ nữ, trẻ em.